

# Báo cáo Thị trường Hồ tiêu

## Tháng 4 2024

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường hồ tiêu trong nước và thế giới.



# Mục lục

|                                                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Tóm tắt .....                                                               | 03        |
| <b>Phần I: Thị trường hồ tiêu thế giới .....</b>                            | <b>04</b> |
| 1. Sản xuất - tiêu thụ .....                                                | 04        |
| 2. Xuất khẩu, nhập khẩu .....                                               | 05        |
| 3. Diễn biến giá .....                                                      | 09        |
| <b>Phần II: Thị trường hồ tiêu Việt Nam .....</b>                           | <b>11</b> |
| 1. Nguồn cung .....                                                         | 11        |
| 2. Nhập khẩu .....                                                          | 12        |
| 3. Tình hình xuất khẩu .....                                                | 13        |
| 4. Diễn biến giá .....                                                      | 16        |
| 5. Dự báo .....                                                             | 17        |
| <b>Phần III: Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành .....</b> | <b>18</b> |
| <b>Phần IV: Chính sách .....</b>                                            | <b>20</b> |
| <b>Phụ lục .....</b>                                                        | <b>21</b> |

## Viết tắt, giải nghĩa

**ASTA:** Hiệp hội Thương mại Gia vị Mỹ

**Bulog:** Cơ quan Hậu cần quốc gia  
Indonesia

**Comex Stat:** Trung tâm Thống kê Ngoại  
thương Nhà nước Brazil

**CPSF:** Liên đoàn Hồ tiêu và Gia vị  
Campuchia

**IPC:** Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế

**IPSTA:** Hiệp hội Thương mại Hồ tiêu và  
Gia vị Ấn Độ

**KPPA:** Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot

**USITC:** Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

**VPSA:** Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị  
Việt Nam

*Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.*

# Tóm tắt

- Xuất khẩu hồ tiêu toàn cầu trong các tháng đầu năm 2024 có sự thay đổi đáng kể, trong khi giảm ở Việt Nam và Brazil thì Ấn Độ và Indonesia lại là hai quốc gia có lượng xuất khẩu tăng mạnh.
- Xuất khẩu tiêu của Brazil trong 4 tháng đầu năm đạt 25.939 tấn, trị giá 93,4 triệu USD, so cùng kỳ năm 2023 giảm 10,3% về lượng nhưng tăng tới 12,1% về trị giá. Giá tiêu xuất khẩu bình quân của Brazil trong 4 tháng đầu năm đạt 3.601 USD/tấn, tăng 25% so với cùng kỳ.
- Ngày 20/4, Campuchia đã xuất khẩu 30 tấn tiêu đen chính ngạch sang thị trường Trung Quốc. Đánh dấu chuyển hàng đầu tiên kể từ sau khi Trung Quốc mở cửa cho tiêu Campuchia xuất khẩu vào nước này kể từ tháng 5 năm ngoái.
- Quý I năm nay, nhập khẩu tiêu của Mỹ đạt 19.865 tấn với trị giá gần 93 triệu USD, tăng 21,4% về lượng và tăng 17,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, có đến 76% khối lượng được nhập khẩu từ Việt Nam.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/5, giá tiêu đen xuất khẩu của Việt Nam dao động ở mức 4.600 – 4.700 USD/tấn, tăng 9,3 – 9,5% so với cuối tháng 4, nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 4.934 – 5.000 USD/tấn của Indonesia và Brazil.
- Việt Nam đã xuất khẩu 82.970 tấn hồ tiêu trong 4 tháng đầu năm, với kim ngạch thu về gần 352 triệu USD, giảm 19,1% về lượng, nhưng tăng 11,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023 nhờ giá tăng cao.
- Giá tiêu trong nước đã chạm ngưỡng 110.000 – 111.000 đồng/kg, tăng 36 – 39% so với đầu năm nay và tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm ngoái. Với việc giá tiếp tục tăng, ngành hàng gia vị này được kỳ vọng sẽ cán mốc 1 tỷ USD xuất khẩu trong năm nay.
- Khối các doanh nghiệp trong VPSA chiếm 89,3% tổng khối lượng xuất khẩu và tăng 26,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, các doanh nghiệp ngoài Hiệp hội xuất khẩu giảm mạnh 80,1%.

# Phần I: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU THẾ GIỚI

Mặc dù có sự điều chỉnh tăng nhưng giá tiêu xuất khẩu tiêu của Việt Nam vẫn đang thấp hơn đáng kể so với các nước sản xuất hàng đầu khác như Brazil, Indonesia...

## 1 Sản xuất - Tiêu thụ

Trong tháng 4, thu hoạch đang dần kết thúc ở các khu vực phía Nam Karnataka của Ấn Độ. Còn tại Kerala và Tamil Nadu, việc thu hoạch đã hoàn tất. Sản xuất được ghi nhận là tương đối tốt ở tất cả các khu vực trong năm nay với lượng mưa rải rác hầu như trong suốt các giai đoạn phát triển của cây trồng.

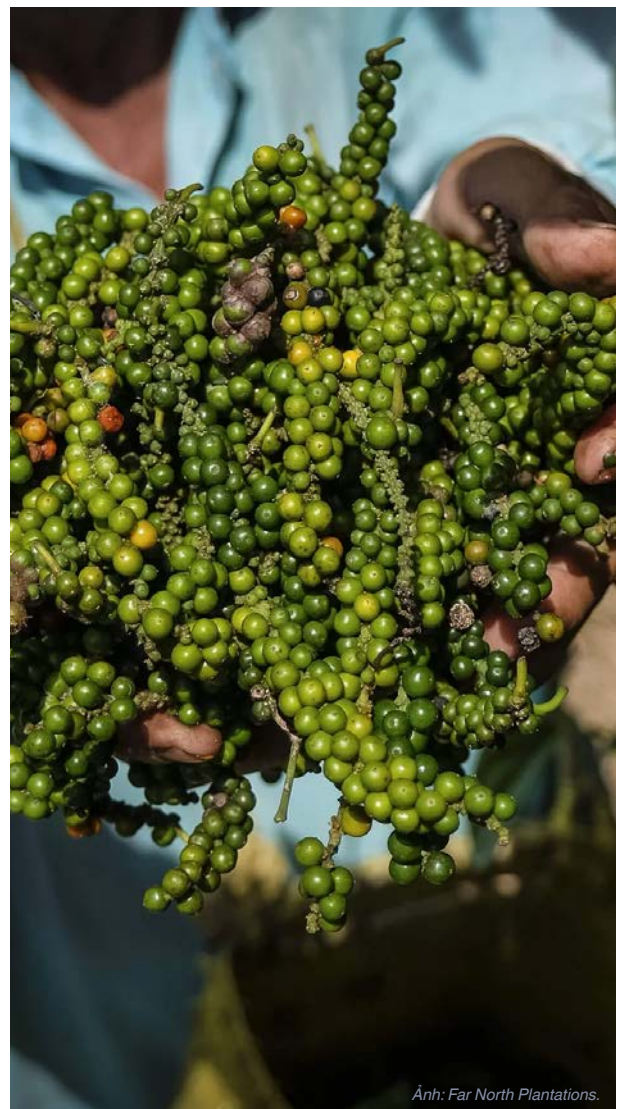
Thu hoạch hồ tiêu của Việt Nam cũng đã kết thúc. Điều kiện thời tiết khô ráo, nắng nóng kể từ tháng 12 đã thuận lợi cho việc thu hoạch và phơi sấy. Năng suất dự kiến vẫn ổn định ở hầu hết địa phương, nhưng tổng sản lượng ước tính giảm khoảng 5-10% do diện tích trồng tiêu giảm khi người dân tăng diện tích trồng các loại cây trồng thay thế như cà phê và cây ăn quả.

Tại Indonesia, quá trình hình thành trái tiêu đã hoàn tất ở hầu hết các khu vực. Các báo cáo ban đầu cho thấy triển vọng vụ mùa là khá tích cực ở các khu vực phía nam của Sumatra. Mưa rải rác tiếp tục diễn ra ở hầu hết các khu vực và dự báo lượng mưa này sẽ tốt cho sản xuất vụ mùa hiện tại.

Còn tại Brazil, sau thời tiết khô hạn năm ngoái, mưa đã bắt đầu xuất hiện ở các vùng trồng

tiêu phía nam Brazil. Những cơn bão và mưa rất lớn ở Espírito Santo. Lũ lụt và lở đất đã được báo cáo từ các khu vực phía Nam của bang. Tác động của những cơn mưa này đến sản lượng cây trồng mới vẫn chưa rõ ràng.

Trong những tuần gần đây, các cơ quan khí tượng toàn cầu đã báo cáo về khả năng xuất hiện hiện tượng thời tiết La Nina ngày càng tăng vào tháng 6-8 năm 2024. Điều này có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cây trồng ở các quốc gia Nam Á, theo *Harrisspice*.



Ảnh: Far North Plantations.

## 2 Xuất khẩu, nhập khẩu

### a. Xuất khẩu

Xuất khẩu hồ tiêu toàn cầu trong các tháng đầu năm 2024 có sự thay đổi đáng kể, trong khi giảm ở Việt Nam và Brazil thì Ấn Độ và Indonesia lại là hai quốc gia có lượng xuất khẩu tăng mạnh (**Bảng 1**).

 **Brazil:** Theo Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil (Comex Stat), trong tháng 4, Brazil đã xuất

khẩu 7.596 tấn hồ tiêu, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 1**).

Với kết quả này, xuất khẩu tiêu của Brazil trong 4 tháng đầu năm đạt 25.939 tấn, trị giá 93,4 triệu USD, so cùng kỳ năm 2023 giảm 10,3% về lượng nhưng tăng 12,1% về trị giá. Giá tiêu xuất khẩu bình quân của Brazil trong 4 tháng đầu năm đạt 3.601 USD/tấn, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái.

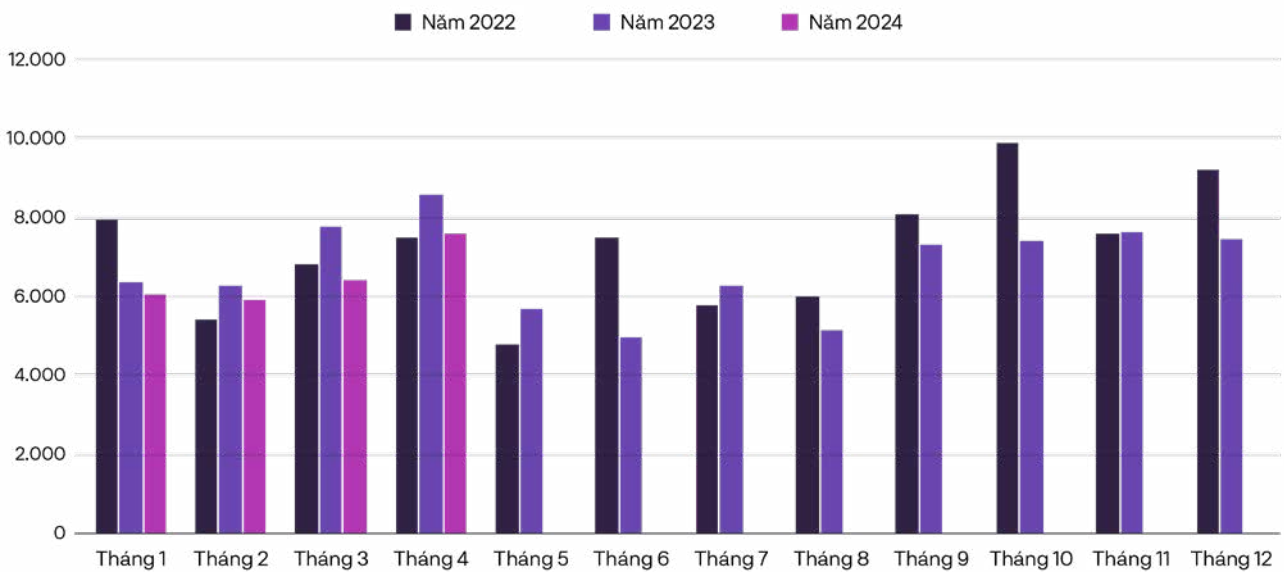
**Bảng 1: Xuất khẩu hồ tiêu của một số nước qua các tháng năm 2024**

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế và Cơ quan Hải quan, Thống kê các nước.

|                                               | Việt Nam      | Brazil        | Indonesia     | Ấn Độ         |
|-----------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| Tháng 1                                       | 17.467        | 6.037         | 2.292         | 1.769         |
| Tháng 2                                       | 13.450        | 5.901         | 1.955         | 1.723         |
| Tháng 3                                       | 25.917        | 6.404         | 3.755         | 1.579         |
| Tháng 4                                       | 26.216        | 7.596         |               |               |
| <b>Lũy kế năm 2024</b>                        | <b>82.970</b> | <b>25.939</b> | <b>8.002</b>  | <b>5.071</b>  |
| <b>So với lũy kế với cùng kỳ năm 2023 (%)</b> | <b>▼ 19,1</b> | <b>▼ 10,3</b> | <b>▲ 32,3</b> | <b>▲ 41,8</b> |

**Biểu đồ 1: Xuất khẩu tiêu của Brazil năm 2022-2024**

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



Việt Nam là thị trường xuất khẩu chính của hồ tiêu Brazil chiếm 17,9% tổng khối lượng, đạt 4.643 tấn, tuy nhiên so cùng kỳ giảm 13,7%. Giá tiêu Brazil tăng cao vượt giá bán của Việt Nam trên thị trường thế giới, điều này khiến cho việc nhập khẩu tiêu nguyên liệu từ Brazil không còn hấp dẫn với các nhà chế biến Việt Nam **(Biểu đồ 2)**.

Tượng tự xuất khẩu sang Morocco và Senegal cũng giảm lần lượt là 14,9% và 42,7%. Trong khi xuất khẩu sang Ấn Độ, thị trường đứng thứ hai tăng 26,3% đạt 2.861 tấn, Pakistan tăng 31,8% đạt 2.349 tấn, Đức tăng 73% đạt 1.211 tấn. Đáng chú ý, xuất khẩu tiêu của Brazil sang Mỹ cũng tăng đột biến 467% đạt 852 tấn.

Việc triển khai khử trùng bằng hơi nước mới ở Brazil được cho là đã giúp cho lượng hồ tiêu xuất khẩu của Brazil sang Mỹ và một số nước châu Âu tăng mạnh.

Vụ thu hoạch hồ tiêu của Brazil diễn ra vào tháng 8 được dự đoán mất mùa và thu hoạch sẽ bị trì hoãn, điều này khiến các nhà xuất khẩu chậm chào hàng do xu hướng giá tiêu tăng.



**Campuchia:** *Phnompenhpost* đưa tin, ngày 20/4, Campuchia đã xuất khẩu 30 tấn tiêu đen chính ngạch sang thị trường Trung Quốc. Đây là đơn hàng được xuất khẩu bởi Công ty Sela Pepper, đánh dấu chuyển hàng đầu tiên kể từ sau khi Trung Quốc mở cửa cho tiêu Campuchia xuất khẩu vào nước này kể từ tháng 5 năm ngoái.

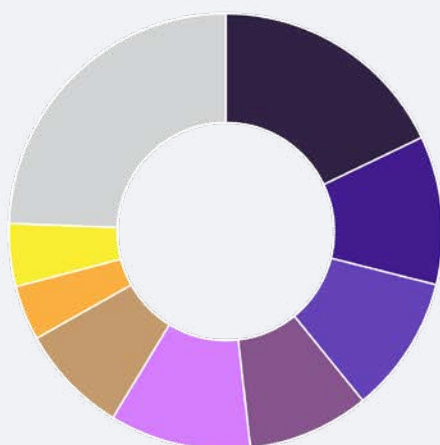
Để xuất khẩu sang Trung Quốc, hạt tiêu phải tuân thủ các quy định của Tổng cục Hải quan Trung Hoa (GACC).

Theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia, nước này đã xuất khẩu tổng cộng hơn 6.000 tấn hạt tiêu trong năm 2023, giảm gần 27% so với năm 2022. Sự sụt giảm này là do sự kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm cả việc nông dân không muốn bán ra với giá thấp.

Theo các chuyên gia trong ngành, thời tiết nắng nóng năm nay và hạn hán kéo dài có thể khiến nhiều mặt hàng nông nghiệp, trong đó có hạt tiêu, có nguy cơ sụt giảm.

**Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu tiêu của Brazil trong 4 tháng đầu năm 2024**

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Comex Stat.



|          |       |
|----------|-------|
| Việt Nam | 17,9% |
| Ấn Độ    | 11,0% |
| UAE      | 10,2% |
| Pakistan | 9,1%  |
| Morocco  | 10,5% |
| Senegal  | 8,1%  |
| Hà Lan   | 4,1%  |
| Đức      | 4,7%  |
| Khác     | 24,4% |

Nguồn Lay, Chủ tịch Hiệp hội Xúc tiến Hồ tiêu Kampot, cho rằng việc xuất khẩu thành công chuyển hàng đầu tiên sang Trung Quốc đã góp phần quảng bá sản phẩm hạt tiêu Campuchia.

Tuy nhiên, ông bày tỏ lo ngại về tình trạng thiếu hụt nguồn cung cho năm 2025, do vụ mùa năm nay đang phải hứng chịu tình trạng hạn hán. Hiện sản lượng còn lại rất ít, phần lớn là từ vụ thu hoạch năm ngoái.

“Tình hình năm 2024 rất tồi tệ. Ước tính chung của chúng tôi là 60% số hạt tiêu đang được trồng đã bị hư hại. Mưa quá nhiều vào năm ngoái đã gây thiệt hại cho cây tiêu. Năm nay, chúng tôi phải đối mặt với hạn hán từ 6 đến 7 tháng. Tình trạng thiếu nước dẫn đến nhiều cây trồng đã chết.

Tôi từng thu hoạch 8 hoặc 9 tấn tiêu mỗi năm nhưng năm nay năng suất chưa tới 200 kg”, ông Nguồn Lay cho biết.

“Các hộ dân khác trong Hiệp hội cũng đang phải đối mặt với những thiệt hại tương tự. Năm 2025, chúng tôi không kỳ vọng sản xuất được hàng trăm tấn để xuất khẩu. Nếu thu hoạch được 50 đến 60 tấn thì đã thành công”, ông nói tiếp.

**b. Nhập khẩu**



**Mỹ:** Nhập khẩu hồ tiêu của thị trường Mỹ đã tăng trở lại sau khi sụt giảm vào năm ngoái. Theo số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC), nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ trong tháng 3 tiếp tục tăng mạnh 20,9% về lượng và 23,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 6.164 tấn với trị giá hơn 29 triệu USD.

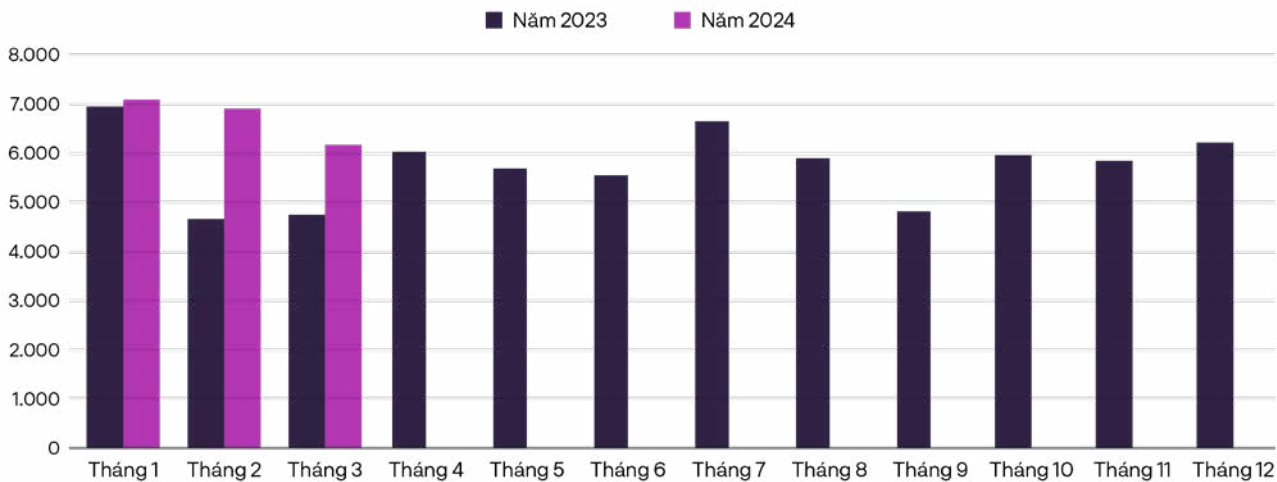
**Tính chung quý I, nhập khẩu tiêu của Mỹ đạt 19.865 tấn với trị giá gần 93 triệu USD, tăng 21,4% về lượng và tăng 17,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái (Biểu đồ 3).**

Quý I năm nay, Việt Nam tiếp tục là nguồn cung hồ tiêu lớn nhất vào Mỹ với khối lượng đạt 15.088 tấn, trị giá hơn 69,3 triệu USD, tăng 15,6% về lượng và tăng 14,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần của Việt Nam trong tổng lượng hồ tiêu nhập khẩu của Mỹ là 76%, bỏ xa các nhà cung cấp khác nhưng giảm so với mức 80% của quý I/2023 (**Biểu đồ 4**).

Nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ từ các thị trường khác cũng tăng mạnh như: Ấn Độ đạt 1.840 tấn, tăng 24,1%; Brazil đạt 912 tấn, tăng 88,8%; đặc biệt là Indonesia tăng gấp 2,4 lần lên mức 1.323 tấn.

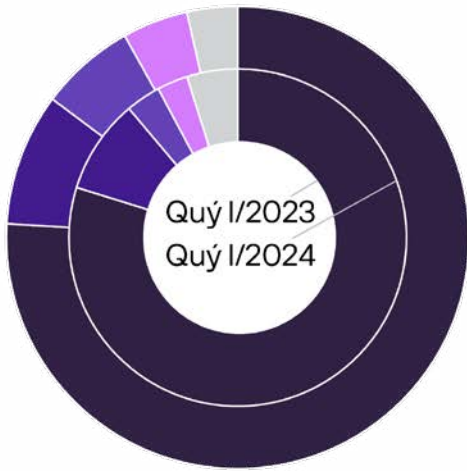
**Biểu đồ 3: Nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ qua các tháng năm 2023 - 2024**

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ USITC.



**Biểu đồ 4: Cơ cấu nguồn cung hồ tiêu cho thị trường Mỹ quý I/2023 và quý I/2024**

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ USITC.



|           | Quý I/2023 | Quý I/2024 |
|-----------|------------|------------|
| Việt Nam  | 80%        | 76%        |
| Ấn Độ     | 9%         | 9%         |
| Indonesia | 3%         | 7%         |
| Brazil    | 3%         | 5%         |
| Khác      | 5%         | 3%         |

Giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân của Việt Nam vào Mỹ trong quý I đạt 4.597 USD/tấn, cao hơn so với mức giá 4.034 USD/tấn của Brazil, nhưng thấp hơn so với 4.886 USD/tấn của Ấn Độ và 4.667 USD/tấn của Indonesia.

Theo Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chung tháng 4 tăng 0,3% so với tháng 3, thấp hơn so với ước tính của Dow Jones là 0,4%. Trên cơ sở 12 tháng, CPI tăng 3,4% (giảm từ mức tăng 3,5% trong tháng 3), phù hợp với kỳ vọng của các chuyên gia kinh tế.

Không bao gồm biến động giá thực phẩm và năng lượng, chỉ số lạm phát lõi tăng ở mức 0,3% hàng tháng và 3,6% hàng năm, cả hai đều đúng như dự báo. Lạm phát cơ bản tăng 3,6% cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 4/2021.

Một số nhà kinh tế dự đoán Fed sẽ bắt đầu chu kỳ nới lỏng vào tháng 7, trong khi các nhà giao dịch hợp đồng tương lai cho rằng đợt hạ lãi suất đầu tiên sẽ diễn ra vào tháng 9.

**Ấn Độ:** Số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ cho thấy, nhập khẩu hồ tiêu của nước này trong quý đầu năm 2024 đã tăng 12% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức 7.308 tấn.

Đáng chú ý, Việt Nam đã vươn lên trở thành nhà cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Ấn Độ với khối lượng đạt 2.656 tấn (chiếm 36,6%), tiếp đến là Brazil: 1.828 tấn (chiếm 25,2%) và Sri Lanka: 1.762 tấn (chiếm 24,3%). So với cùng kỳ năm ngoái, lượng tiêu nhập khẩu từ Việt Nam tăng gần 96%, từ Brazil tăng 135,4%, riêng Sri Lanka giảm 10,4%.

Trong khi đó, quý I năm nay, Ấn Độ đã xuất khẩu 5.071 tấn hồ tiêu ra thị trường thế giới, tăng 41,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá tiêu đen toàn cầu tăng có thể dẫn tới việc giảm nhập khẩu của Ấn Độ và xuất khẩu tăng lên.

Tại Ấn Độ, giá nhập khẩu tối thiểu đối với tiêu đen được ấn định ở mức khoảng 6 USD/kg. Hàng nhập khẩu từ Việt Nam phải đối mặt với mức thuế hải quan khoảng 46%. Giá tiêu đen tại thị trường nội địa Ấn Độ khoảng 6,18 - 6,24 USD/kg. Với mức giá này, nhập khẩu từ Việt Nam có giá khoảng 6,6 USD/kg sẽ không mang lại lợi nhuận.

Trong khi đó, sản lượng tiêu đen ở Ấn Độ được dự đoán sẽ tăng và điều này có thể dẫn đến lượng hàng tồn kho lớn hơn dành cho

xuất khẩu. Mặt khác, giá tiêu trên thị trường toàn cầu hiện nay ngang bằng với giá trong nước, cho thấy tiềm năng để Ấn Độ tăng xuất khẩu.

Sản lượng của Việt Nam giảm đã dẫn đến xuất khẩu từ nước này ít hơn. Các nhà phân tích thương mại và Hiệp hội Thương mại Hồ tiêu và Gia vị Ấn Độ (IPSTA) dự đoán đây là cơ hội để Ấn Độ tăng cường xuất khẩu. Họ cũng dự đoán rằng giá thị trường toàn cầu có thể tăng hơn nữa.

Sự ổn định của giá tiêu đen trong nước và thế giới, cùng với tiềm năng tăng sản lượng của Ấn Độ, cho thấy một tương lai đầy hứa hẹn cho xuất khẩu của Ấn Độ trong lĩnh vực này.



**Trung Quốc:** Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý I, nhập khẩu hồ tiêu của Trung Quốc đạt 903 tấn hồ tiêu với trị giá 4,5 triệu USD, giảm 41,3% về lượng và giảm 37,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong đó, nhập từ Việt Nam đạt cao nhất với 433 tấn chính ngạch, trị giá 1,8 triệu USD, giảm 8,2% về lượng nhưng tương đương trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần của Việt Nam trong tổng khối lượng hồ tiêu nhập khẩu của Trung Quốc tăng lên 46,6% từ mức 30% của cùng kỳ.

Indonesia là thị trường xuất khẩu tiêu lớn thứ hai vào Trung Quốc trong quý I, đạt 335 tấn, giảm 64,8% và chiếm 36% thị phần.

Trong khi đó, Trung Quốc tăng 84,4% lượng tiêu nhập khẩu từ Brazil lên mức 80 tấn, chiếm 8,6%.

### 3 Diễn biến giá

Trong tháng 4, giá tiêu đen xuất khẩu của Indonesia và Brazil tăng lần lượt là 7,1% và 3,3% lên mức 4.578 USD/tấn và 5.550 USD/tấn, qua đó bỏ xa sản phẩm cùng loại có giá 4.200 – 4.300 USD/tấn của Việt Nam (**Biểu đồ 5**).

Xu hướng tăng giá tiếp tục diễn ra trong tháng 5 do lo ngại nguy cơ thiếu hụt nguồn cung toàn cầu trong bối cảnh sản lượng thu hoạch được dự báo giảm hầu hết quốc gia sản xuất hàng đầu như: Việt Nam, Brazil, Campuchia... Trong khi đó, nhu cầu từ Mỹ và EU vẫn duy trì ở mức cao.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/5, giá tiêu đen Lampung - Indonesia được giao dịch ở mức 4.934 USD/tấn, tăng 5% so với cuối tháng trước và tăng 22% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tương tự, giá tiêu đen Brazil ASTA 570 được bán với giá 5.000 USD/tấn, tăng 7,5% so với tháng trước và tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái.

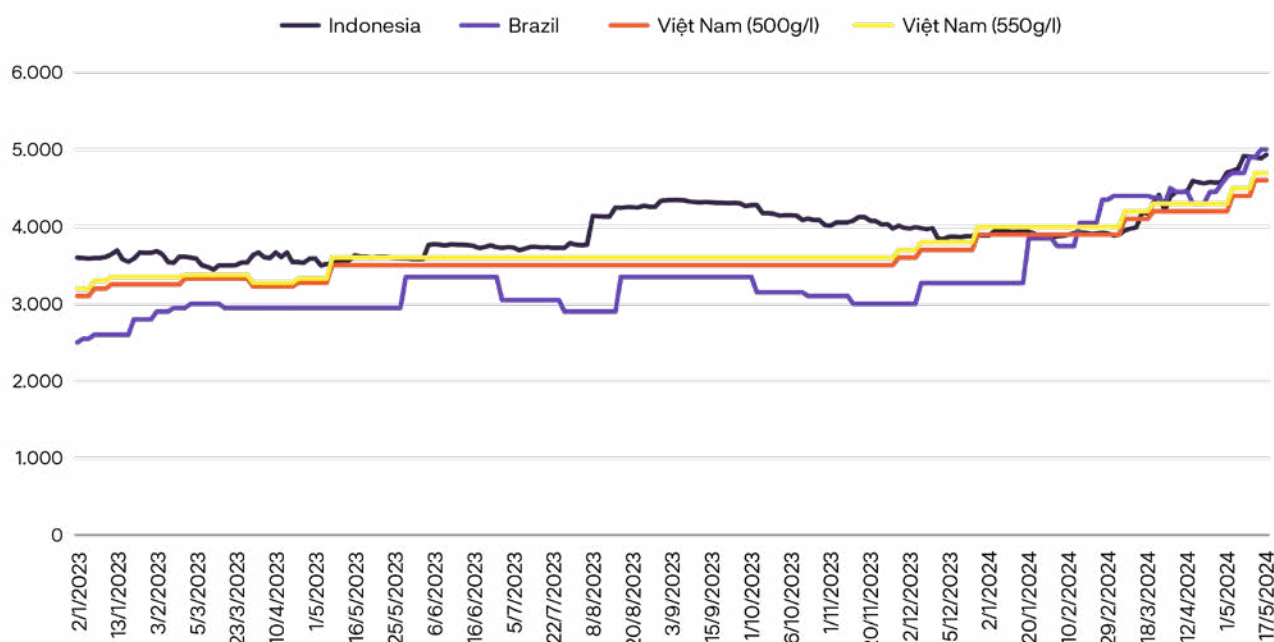
Giá tiêu đen xuất khẩu của Việt Nam chứng kiến mức tăng mạnh nhất, tăng 9,3 – 9,5% (tương ứng 400 USD/tấn) lên 4.600 – 4.700 USD/tấn. Mức giá này tăng khoảng 15 – 18% so với cùng kỳ năm ngoái và là mức cao nhất đạt được trong nhiều năm trở lại đây. Mặc dù vậy, giá tiêu của Việt Nam vẫn thấp hơn đáng kể so với các quốc gia khác như Indonesia hay Brazil.

Trên thị trường tiêu trắng, giá tiêu trắng Muntok của Indonesia tăng 1% trong tháng 4 và tăng thêm 4,1% trong tháng 5, đạt 6.488 USD/tấn trong phiên giao dịch ngày 17/5 (**Biểu đồ 6**).

Giá tiêu trắng tại Việt Nam hiện đang được giao dịch ở mức 6.600 USD/tấn, tăng 10% so với cuối tháng 4 và tăng 38% so với cùng kỳ năm ngoái. ■

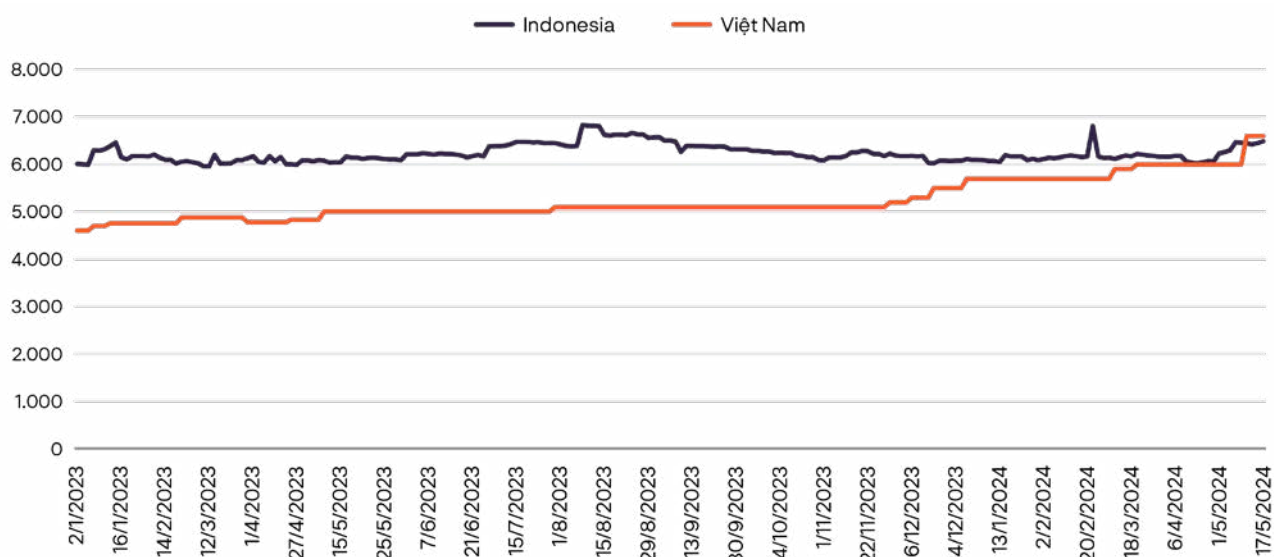
**Biểu đồ 5: Diễn biến giá tiêu đen thế giới năm 2023 đến ngày 17/5/2024**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



**Biểu đồ 6: Diễn biến giá tiêu trắng thế giới năm 2023 đến ngày 17/5/2024**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: IPC.



# Phần II: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU VIỆT NAM



**Giá tiêu trong nước đã chạm ngưỡng 110.000 – 111.000 đồng/kg, tăng 36 – 39% so với đầu năm nay và tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm ngoái. Với việc giá tiếp tục tăng, ngành hàng gia vị này được kỳ vọng sẽ cán mốc 1 tỷ USD xuất khẩu trong năm nay.**

## 1 Nguồn cung

Việt Nam đứng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu trong hơn 20 năm qua. Loại “vàng đen” này của nước ta chiếm 40% sản lượng và 60% thị phần xuất khẩu trên toàn cầu.

Tuy nhiên, theo Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSPA) hiện tượng thời tiết hạn hán kéo dài dẫn đến sản lượng hồ tiêu năm nay giảm 10% xuống khoảng 170.000 tấn so với năm ngoái, mức thấp nhất trong vòng 5 năm gần đây.

Tại hội nghị giao ban với các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Công thương tổ chức mới đây, bà Hoàng Thị Liên, Chủ tịch Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSPA)

cho rằng, “phải đảm bảo nguồn cung ra thị trường khoảng 190.000 tấn/năm như hiện nay, nếu không đến một ngày nào đó 2 hoặc 3 năm hay xa hơn nữa Brazil có khả năng mở rộng diện tích canh tác ồ ạt và bám đuổi Việt Nam, khi đó chúng ta khó giữ vị thế nước xuất khẩu hồ tiêu số 1 toàn cầu”.

Muốn vậy, Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, hiệp hội cùng phối hợp với doanh nghiệp và địa phương hỗ trợ bà con và ưu tiên quan tâm đến cây tiêu, nếu không khéo cây tiêu sẽ được thay thế bằng các loại cây trồng khác đang kinh tế hơn như sầu riêng, cà phê. Trong 25 năm qua chưa bao giờ giá cà phê lại rớt đuối và vượt qua giá hồ tiêu như hiện nay, đây là dấu hiệu khiến VPSPA và doanh nghiệp rất lo lắng.

Đại diện của VPSPA cũng cho biết thêm:

“Tháng 9/2023, khi đi khảo sát các vườn tiêu bà con có nói nếu giá tiêu cứ thấp như vừa rồi họ không muốn trồng tiêu nữa, nhưng đến thời điểm thu hoạch xong thì giá tiêu đã được 100.000 đồng/kg, với mức giá này VPSPA có căn cứ để hy vọng bà con giữ vững diện tích cây tiêu trong tương lai”.



## 2 Nhập khẩu

Thống kê sơ bộ của VPSA cho thấy, Việt Nam đã nhập khẩu 4.281 tấn hồ tiêu trong tháng 4, tăng 14,9% so với tháng trước.

Lũy kế trong 4 tháng đầu năm, nhập khẩu hồ tiêu đạt 12.269 tấn, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tiêu đen chiếm chủ yếu với 11.748 tấn, còn lại 521 tấn tiêu trắng.

Brazil là quốc gia cung cấp hồ tiêu lớn nhất cho Việt Nam trong 4 tháng đầu năm với khối lượng

đạt 1.766 tấn, chiếm 50% thị phần. Tuy nhiên, so cùng kỳ nhập khẩu từ thị trường này giảm 4,5%. Ngược lại, nhập khẩu từ Campuchia tăng 119,4% đạt 3.762 tấn, Indonesia đứng thứ 3 đạt 1.393 tấn, tăng 14,0%.

Olam là doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất đạt 5.165 tấn sau 4 tháng, tăng 29,7% và chiếm 42,1% thị phần. Tiếp theo là các doanh nghiệp: Trân Châu: 1.501 tấn, giảm 4,7%; Liên Thành: 973 tấn, tăng 140,2%.

**Bảng 2: Việt Nam nhập khẩu hồ tiêu từ các thị trường chính trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

| Nguồn cung | Tháng 4/2024<br>(tấn) | So với tháng<br>3/2024<br>(%) | 4 tháng<br>năm 2024<br>(tấn) | So với<br>4 tháng<br>năm 2023<br>(%) | Thị phần<br>4 tháng<br>năm 2024<br>(%) |
|------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|
| Brazil     | 1.766                 | ▲ 21,4                        | 6.129                        | ▼ 4,5                                | 50,0                                   |
| Campuchia  | 1.678                 | ▲ 0,2                         | 3.762                        | ▲ 119,4                              | 30,7                                   |
| Indonesia  | 629                   | ▲ 106,9                       | 1.393                        | ▲ 14,0                               | 11,4                                   |
| Việt Nam   | 51                    | ▼ -36,3                       | 278                          | ▲ 44,8                               | 2,3                                    |
| Singapore  |                       |                               | 192                          | ▲ 585,7                              | 1,6                                    |
| Trung Quốc | 67                    | ▲ 71,8                        | 184                          | ▲ 534,5                              | 1,5                                    |
| Malaysia   | 51                    | ▲ 5000,0                      | 109                          | ▼ 43,8                               | 0,9                                    |
| Mỹ         |                       |                               | 88                           | ▲ 109,5                              | 0,7                                    |
| Hà Lan     |                       |                               | 39                           | ▲ 100,0                              | 0,3                                    |
| Ấn Độ      |                       |                               | 28                           | ▲ 55,6                               | 0,2                                    |
| Khác       | 39                    | ▲ 680,0                       | 67                           | ▼ 79,5                               | 0,7                                    |
| Tổng       | 4.281                 | ▲ 14,9                        | 12.269                       | ▲ 20,5                               | 100,0                                  |



### 3 Tình hình xuất khẩu

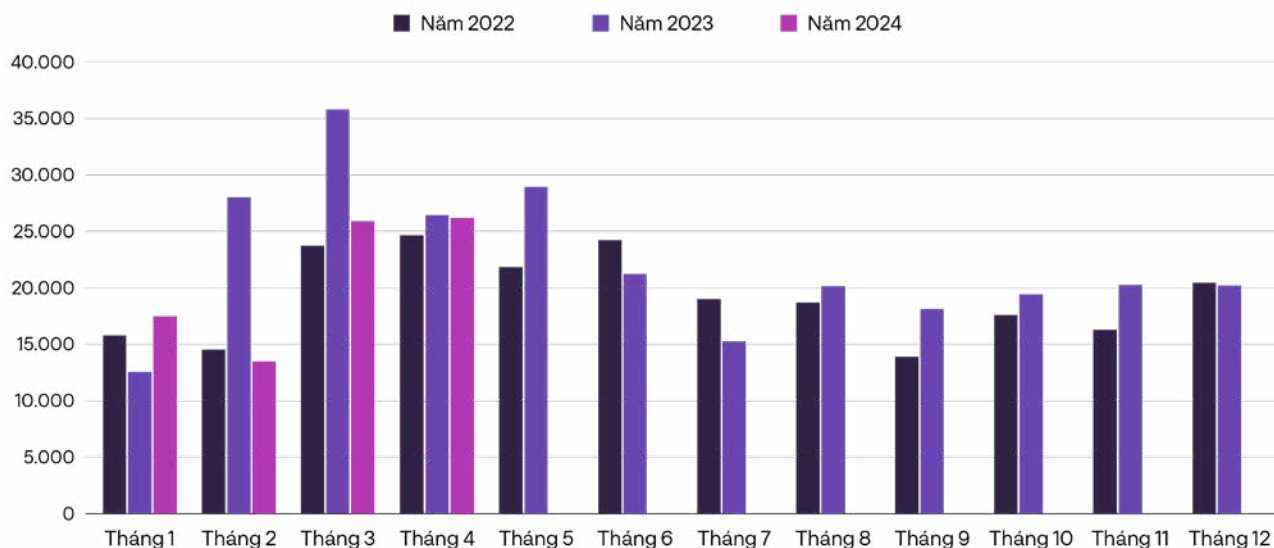
Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 4, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam đạt 26.216 tấn, với kim ngạch hơn 116,3 triệu USD, tăng 1,2% về lượng và tăng 4,2% về kim ngạch so với tháng trước; còn so với cùng kỳ năm ngoái giảm 0,8% về lượng nhưng tăng 39,3% về kim ngạch.

Lũy kế 4 tháng đầu năm, xuất khẩu tiêu đạt 82.970 tấn, với kim ngạch gần 352 triệu USD, giảm 19,1% về lượng, nhưng tăng 11,1% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023 nhờ giá tăng cao.

Giá tiêu xuất khẩu bình quân tháng 4 tăng tháng thứ tư liên tiếp, đạt 4.435 USD/tấn, tăng 3% so với tháng trước và tăng 40,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung trong 4 tháng đầu năm, giá tiêu xuất khẩu bình quân đạt 4.241 USD/tấn, tăng 37,3% so với cùng kỳ.

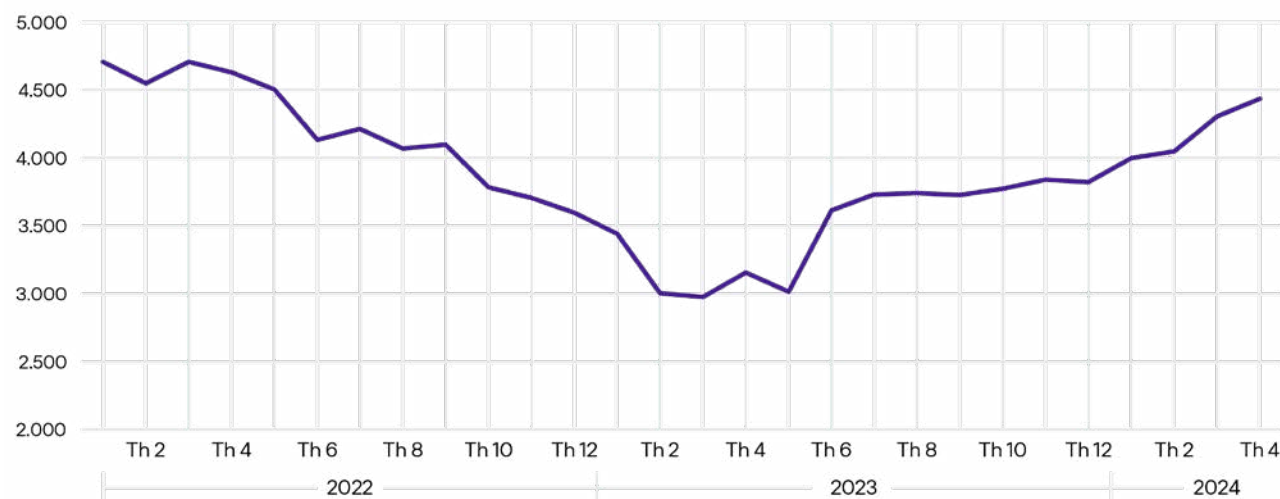
**Biểu đồ 8: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2022 - 2024**

Đơn vị: tấn. Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam.



**Biểu đồ 9: Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam năm 2022 – 2024**

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam.



Về chủng loại, tính đến hết tháng 4, xuất khẩu tiêu đen nguyên hạt đạt 61.230 tấn, giảm 28,3% so với cùng kỳ và chiếm 73,8% tỷ trọng. Trong khi đó, tiêu đen xay tăng 49% lên 22.550 tấn, chiếm 13,9% tỷ trọng; còn lại là tiêu trắng nguyên hạt chiếm 7,5%; còn lại 3,9% là tiêu trắng xay và 0,8% là tiêu ngâm giấm, mộc, đầu đinh, xanh, hồng... **(Biểu đồ 10)**

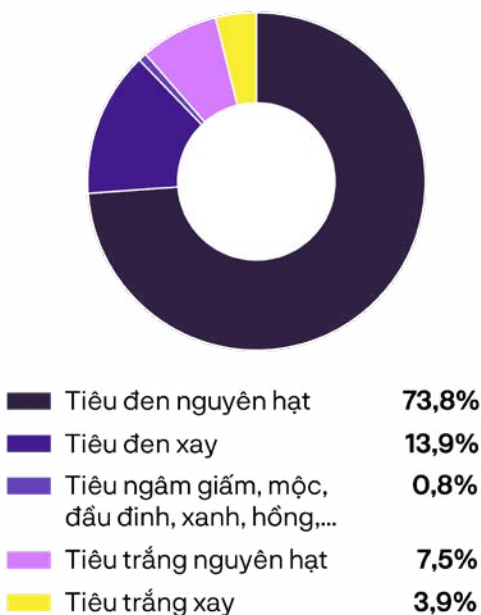
Về thị trường xuất khẩu, **trong tháng 4 nhìn chung xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang hầu hết thị trường tiêu thụ chính như Mỹ, Ấn Độ, Đức, Hà Lan... đều tăng trưởng cao ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái (Biểu đồ 11).**

Trong đó, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Mỹ tháng 4 đạt 7.494 tấn, tăng 93,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đây cũng là tháng có lượng xuất khẩu hồ tiêu cao nhất tính từ tháng 6/2021.

Ngoài ra, lượng hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc mặc dù giảm mạnh 93,5% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng tăng 2,4 lần so với tháng trước lên mức 651 tấn, mức cao nhất kể từ đầu năm.

**Biểu đồ 10: Cơ cấu chủng loại hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam tính theo lượng trong 4 tháng đầu năm 2024**

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ VPSA.



Theo VPSA, Trung Quốc chưa có nhu cầu nhập khẩu có thể do lượng tồn kho của năm trước vẫn còn, có thể do năm ngoái họ đã nhập khẩu gần 60.000 tấn và lượng tiêu mua trong những năm trước COVID-19 vẫn còn dồi dào, nên bây giờ họ tham gia thị trường rất yếu. Song có dấu hiệu cho thấy, trong quý II này Trung Quốc sẽ tham gia thị trường, đầu tiên là mặt hàng tiêu trắng và sau đó là tiêu đen.

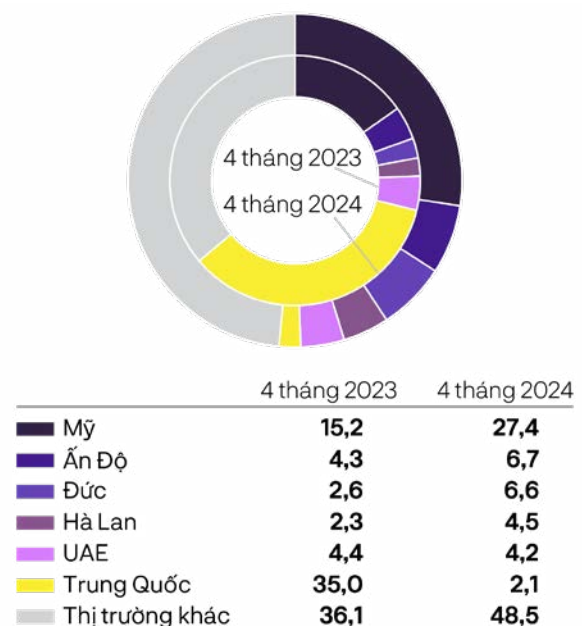
Tính chung 4 tháng đầu năm, Mỹ là thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam chiếm 27,4% thị phần với khối lượng đạt 22.766 tấn và so cùng kỳ tăng 45,7%.

Xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường khu vực châu Âu cũng tăng mạnh trong 4 tháng đầu năm, trong đó đứng đầu là thị trường Đức: 5.503 tấn, tăng 108,8%; Hà Lan: 3.708 tấn, tăng 54,8%, Nga: 2.370 tấn, tăng 66,9%.

Tương tự, xuất khẩu tiêu sang các thị trường thuộc khu vực châu Á như Ấn Độ đạt 5.557 tấn, chiếm 6,7% thị phần và tăng 26,3 so với cùng kỳ; Hàn Quốc cũng tăng 151,7%, Pakistan 62,7% và Philippines 18,7%...

**Biểu đồ 11: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2023 và 4 tháng năm 2024**

Nguồn: Số liệu từ VPSA và Tổng cục Hải quan.



Ngược lại, xuất khẩu tiêu sang thị trường Trung Quốc giảm 95,2% trong 4 tháng đầu năm, UAE giảm 22,4%.

Trong khi đó, tại khu vực châu Phi ghi nhận lượng xuất khẩu giảm 4,7% tuy nhiên thị

trường truyền thống Ai Cập đang có dấu hiệu tích cực khi lượng xuất khẩu sang thị trường này tăng 9,8% đạt 1.976 tấn sau khi chính phủ nước này đã có những hỗ trợ về ngoại tệ để thanh toán hàng hóa nhập khẩu **(Bảng 3)**.

**Bảng 3: Một số thị trường xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng 2024**

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam và VPSA.

| Thị trường   | Tháng 4/2024 |                     | So với tháng 3/2024 |             | So với tháng 4/2023 |             | 4 tháng đầu 2024 |                     | So với 4 tháng 2023 |             |
|--------------|--------------|---------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------------|------------------|---------------------|---------------------|-------------|
|              | Lượng (tấn)  | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%)           | Trị giá (%) | Lượng (%)           | Trị giá (%) | Lượng (tấn)      | Trị giá (nghìn USD) | Lượng (%)           | Trị giá (%) |
| Tổng         | 26.216       | 116.273             | ▲ 1,2               | ▲ 4,2       | ▼ 0,8               | ▲ 39,3      | 82.970           | 351.914             | ▼ 19,1              | ▲ 11,1      |
| Mỹ           | 7.494        | 34.965              | ▲ 14,6              | ▲ 22,4      | ▲ 93,5              | ▲ 126,2     | 22.766           | 100.069             | ▲ 45,7              | ▲ 60,1      |
| Ấn Độ        | 1.759        | 7.153               | ▲ 11,0              | ▲ 12,2      | ▲ 34,4              | ▲ 71,9      | 5.557            | 22.373              | ▲ 26,3              | ▲ 59,0      |
| Đức          | 1.783        | 8.668               | ▼ 10,5              | ▼ 8,7       | ▲ 87,5              | ▲ 137,0     | 5.503            | 26.235              | ▲ 108,8             | ▲ 147,2     |
| Hà Lan       | 1.062        | 5.471               | ▼ 12,4              | ▼ 6,7       | ▲ 14,6              | ▲ 40,0      | 3.708            | 18.037              | ▲ 54,8              | ▲ 73,8      |
| UAE          | 1.110        | 4.502               | ▼ 5,9               | ▼ 1,9       | ▲ 56,8              | ▲ 90,2      | 3.503            | 13.375              | ▼ 22,4              | ▼ 5,6       |
| Philippines  | 985          | 3.588               | ▲ 19,7              | ▲ 22,7      | ▲ 54,6              | ▲ 92,3      | 2.965            | 10.151              | ▲ 18,9              | ▲ 45,6      |
| Hàn Quốc     | 521          | 2.522               | ▼ 46,4              | ▼ 43,2      | ▲ 77,8              | ▲ 138,2     | 2.686            | 11.895              | ▲ 151,7             | ▲ 176,1     |
| Pakistan     | 721          | 3.020               | ▼ 12,0              | ▼ 4,8       | ▲ 183,9             | ▲ 256,2     | 2.421            | 9.100               | ▲ 62,7              | ▲ 108,7     |
| Nga          | 1.163        | 5.068               | ▲ 85,5              | ▲ 85,8      | ▲ 159,0             | ▲ 243,9     | 2.370            | 9.962               | ▲ 66,9              | ▲ 121,9     |
| Ai Cập       | 587          | 2.493               | ▲ 86,3              | ▲ 97,8      | ▲ 124,9             | ▲ 215,2     | 1.976            | 7.565               | ▲ 9,8               | ▲ 43,4      |
| Anh          | 679          | 3.297               | ▲ 48,3              | ▲ 68,6      | ▲ 27,2              | ▲ 49,3      | 1.902            | 8.621               | ▲ 4,4               | ▲ 11,5      |
| Thái Lan     | 276          | 1.416               | ▼ 66,0              | ▼ 66,8      | ▼ 27,2              | ▼ 18,1      | 1.831            | 9.293               | ▼ 7,1               | ▲ 11,4      |
| Trung Quốc   | 651          | 1.684               | ▲ 143,8             | ▲ 85,9      | ▼ 93,5              | ▼ 93,0      | 1.734            | 5.123               | ▼ 95,2              | ▼ 93,4      |
| Thổ Nhĩ Kỳ   | 597          | 2.564               | ▼ 9,7               | ▲ 5,5       | ▲ 20,1              | ▲ 59,5      | 1.704            | 6.618               | ▼ 14,8              | ▲ 9,8       |
| Pháp         | 534          | 2.330               | ▲ 46,7              | ▲ 54,1      | ▲ 87,4              | ▲ 133,1     | 1.545            | 6.211               | ▲ 25,2              | ▲ 29,3      |
| Canada       | 414          | 1.982               | ▼ 10,6              | ▼ 3,3       | ▲ 50,0              | ▲ 86,6      | 1.435            | 6.456               | ▲ 31,9              | ▲ 57,9      |
| Saudi Arabia | 317          | 1.204               | ▼ 40,1              | ▼ 44,2      | ▼ 11,2              | ▲ 29,1      | 1.278            | 5.133               | ▼ 6,9               | ▲ 19,5      |
| Nhật Bản     | 317          | 1.260               | ▼ 7,0               | ▼ 0,8       | ▼ 24,0              | ▲ 31,6      | 1.273            | 4.798               | ▼ 12,3              | ▲ 5,5       |
| Tây Ban Nha  | 271          | 1.320               | ▼ 44,1              | ▼ 40,9      | ▲ 12,9              | ▲ 36,8      | 1.256            | 5.808               | ▲ 25,6              | ▲ 57,8      |
| Senegal      | 606          | 2.453               | ▲ 101,3             | ▲ 106,8     | ▲ 47,1              | ▲ 87,3      | 1.195            | 4.671               | ▼ 13,3              | ▲ 12,0      |
| Italy        | 189          | 865                 | ▼ 53,0              | ▼ 53,4      | ▲ 119,8             | ▲ 177,9     | 944              | 4.169               | ▲ 187,8             | ▲ 250,2     |
| Ba Lan       | 238          | 1.110               | ▼ 38,5              | ▼ 33,2      | ▲ 43,4              | ▲ 92,9      | 848              | 3.679               | ▼ 12,4              | ▲ 11,0      |
| Nam Phi      | 233          | 816                 | ▲ 11,5              | ▼ 9,8       | ▲ 109,9             | ▲ 83,5      | 722              | 2.646               | ▲ 20,3              | ▲ 28,2      |
| Australia    | 217          | 1.012               | ▲ 37,3              | ▲ 35,9      | ▲ 63,2              | ▲ 68,1      | 644              | 2.937               | ▲ 6,4               | ▲ 9,1       |
| Malaysia     | 132          | 626                 | ▼ 54,9              | ▼ 52,1      | ▼ 34,7              | ▼ 19,8      | 608              | 2.747               | ▼ 16,7              | ▲ 1,9       |
| Khác         | 3.360        | 14.885              | ▼ 9,8               | ▼ 5,3       | ▲ 25,7              | ▲ 60,4      | 10.596           | 44.243              | ▼ 13,3              | ▲ 5,9       |

## 4 Diễn biến giá

**Trong nước, giá tiêu đen có xu hướng giảm trong nửa đầu tháng 4 nhưng sau đó tăng trở lại ở nửa sau của tháng. Do đó, tính chung trong cả tháng 4 giá tiêu vẫn tăng nhẹ 3 – 6%. Đà tăng này tiếp tục kéo dài sang tháng 5 và thiết lập các mức đỉnh mới.**

Tính đến phiên giao dịch ngày 17/5, giá tiêu đen tại khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ dao động ở mức 110.000 – 111.000 đồng/kg, tăng vọt 13% (tương ứng 12.500 – 13.000 đồng/kg) so với cuối tháng trước. Đồng thời mức giá này cũng tăng 36 – 39% so với đầu năm nay và tăng hơn 50% so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 12**).

Một trong những nguyên chính thúc đẩy giá hồ tiêu tăng trong thời gian qua được cho là do nguồn cung hạn chế trên toàn thế giới.

Ngay cả Indonesia, Ấn Độ cũng bị hạn chế nguồn cung và các nước sản xuất nhỏ hơn như Malaysia, Sri Lanka và đặc biệt là hai nước quyết định nguồn cung trên toàn cầu là Brazil và Việt Nam đều bị giảm sản lượng.

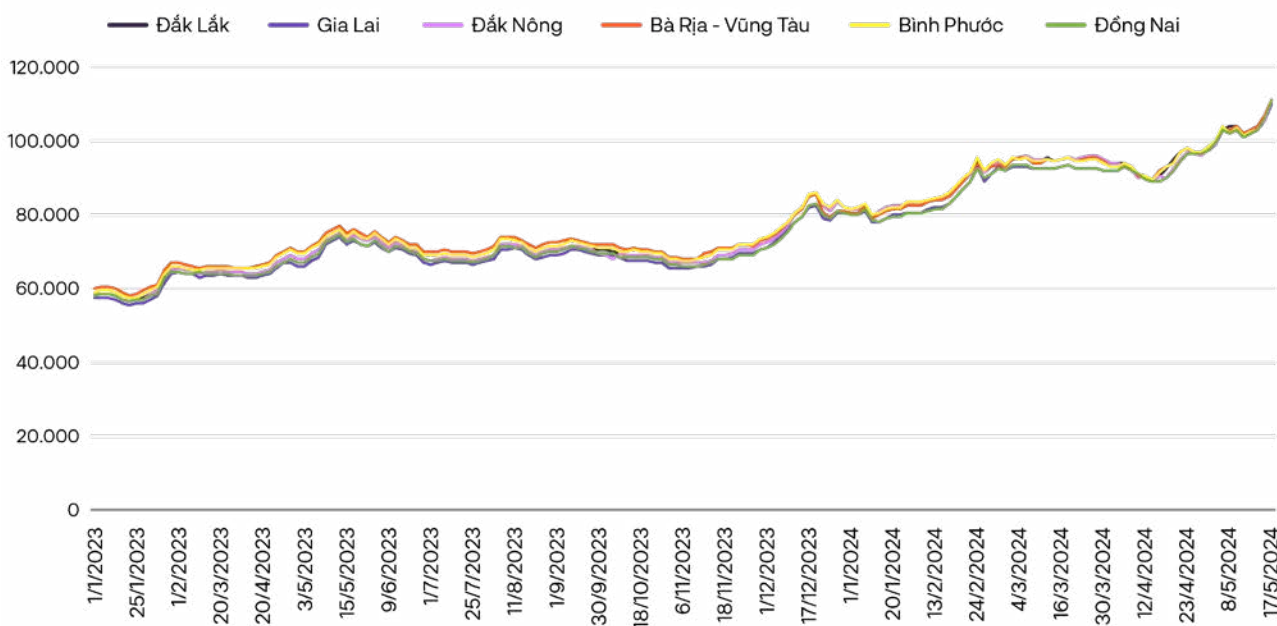
Thời điểm hiện tại, điều kiện thời tiết ở khu vực Tây Nguyên rất đáng lo ngại với nhiệt độ cao kết hợp với hạn hán. Tác động này không chỉ đối với vụ mùa hiện tại nhưng còn ảnh hưởng đến các vụ mùa trong tương lai. Giống như cà phê, cây tiêu cần nhiều nước và không phải là cây chịu hạn tốt.

Bên cạnh đó, việc Trung Quốc đã quay trở lại mua hàng cũng tác động tích cực đến thị trường, dù số lượng giao dịch không nhiều.

Trong khi đó, lượng nguyên liệu bán ra trên thị trường vẫn ở mức thấp do người trồng tiêu kỳ vọng giá sẽ còn tăng tiếp.

**Biểu đồ 12: Diễn biến giá tiêu đen tại các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ từ năm 2023 đến ngày 17/5/2024**

Đơn vị: đồng/kg. Nguồn: trang Giatieu.com.





Ảnh: VOV.

## 5 Dự báo

**Năm nay, mới trải qua 4 tháng đầu năm nhưng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu đã đạt trên 350 triệu USD. Với việc giá được dự báo sẽ tiếp tục tăng, ngành hàng gia vị này được kỳ vọng sẽ cán mốc 1 tỷ USD xuất khẩu trong năm nay.**

Dù Trung Quốc giảm mua mạnh, nhưng nhờ nguồn cung thấp và đa dạng thị trường xuất khẩu giúp hồ tiêu Việt sáng cửa đạt được mục tiêu trên.

Hiện nguồn cung lớn từ Việt Nam và Brazil đều giảm vì ảnh hưởng bởi El Nino khiến giá tăng cao. Thị trường tiêu xuất khẩu của Việt Nam cũng đang có những điều chỉnh lớn, xuất hiện các thị trường mới, trong đó nổi lên

là Pakistan, Đức, Hàn Quốc, Ấn Độ đều ghi nhận tăng trưởng ở mức hai con số.

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), thị trường hồ tiêu thế giới đã xuất hiện tín hiệu tích cực ngay từ đầu năm 2024. Ngoài nhu cầu tiêu thụ tăng thì việc giá hạt tiêu duy trì ở mức cao cũng sẽ tác động tích cực lên ngành hạt tiêu nước ta.

Cục Xuất nhập khẩu dự báo các tháng còn lại quý II, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sẽ tăng trưởng khả quan nhờ nhu cầu tăng trở lại từ các thị trường khu vực châu Âu, châu Mỹ. ■

# Phần III: HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Theo VPSA, Olam Việt Nam là doanh nghiệp đứng đầu xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm với khối lượng đạt 8.359 tấn, so cùng kỳ tăng 55,1% và chiếm 10,1% thị phần xuất khẩu (**Bảng 4**).

Tiếp theo là các doanh nghiệp Nedspice Việt Nam: 7.091 tấn, tăng 25,7%; Trân Châu: 6.085 tấn, giảm 15,1%; Liên Thành: 5.321 tấn, tăng 76,1% và Haprosimex JSC: 5.318 tấn, tăng 24,0%.

**Khối các doanh nghiệp trong VPSA chiếm 89,3% tổng khối lượng xuất khẩu và tăng 26,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, các doanh nghiệp ngoài Hiệp hội xuất khẩu giảm mạnh 80,1%.**

Các doanh nghiệp xuất khẩu tiêu trắng hàng đầu trong 4 tháng đầu năm bao gồm: Nedspice Việt Nam: 1.564 tấn, Olam Việt Nam: 1.383 tấn, Phúc Sinh: 766 tấn, Liên Thành: 676 tấn và Trân Châu: 582 tấn.

Giá tiêu trong nước hiện đã tăng lên mức hơn 110.000 đồng/kg nhưng nhiều người vẫn chưa

chịu bán. Theo đại diện của một doanh nghiệp thu mua xuất khẩu, năm nay, người trồng tiêu không ồ ạt bán ra như những năm trước do có sự hỗ trợ giá của một số loại nông sản khác như sầu riêng, cà phê tăng cao. Nhiều người sẵn sàng trữ đến 2 – 3 năm vì có nguồn thu nhập khác.

Thậm chí có người nói rằng nếu giá tiêu xuống thấp thì sẽ không trồng nữa mà trồng các loại cây khác như sầu riêng, cà phê để có giá cao hơn. Chính vì vậy doanh nghiệp hiện nay thu mua hồ tiêu rất khó khăn, nên doanh nghiệp tạm thời chưa dám ký hợp đồng mới.

Về phía Hiệp hội, bà Hoàng Thị Liên, Chủ tịch Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSA), cho biết: “Giá tăng như hiện nay thì rất vui cho bà con nông dân nhưng cũng rất khó khăn cho doanh nghiệp thu mua vì người dân chủ động găm hàng. Trong khi đó, người tiêu dùng trên thế giới cũng chưa chấp nhận việc tăng giá quá nhanh nên vẫn không đồng ý điều chỉnh nhiều. Chính vì vậy tạo nên sự giằng co trên thị trường và rủi ro rất cao cho các doanh nghiệp xuất khẩu”. ■

**Bảng 4: TOP 30 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2024**

Nguồn: Số liệu từ VPSA.

| S<br>T<br>T | Doanh nghiệp  | Năm 2024 (tấn) |                  | So với cùng kỳ 2023 (%) |                  | Tỷ trọng 4 tháng năm 2024 |
|-------------|---------------|----------------|------------------|-------------------------|------------------|---------------------------|
|             |               | Tháng 4/2024   | 4 tháng năm 2024 | Tháng 4/2023            | 4 tháng năm 2023 | % theo lượng              |
|             | Tổng          | 26.245         | 83.067           | ▲ 2,2                   | ▼ 19,4           | 100,0                     |
|             | VPA           | 22.885         | 74.203           | ▼ 2,1                   | ▲ 26,9           | 89,3                      |
|             | Non-VPA       | 3.360          | 8.864            | ▲ 46,0                  | ▼ 80,1           | 10,7                      |
| 1           | Olam Việt Nam | 2.567          | 8.359            | ▲ 0,2                   | ▲ 55,1           | 10,1                      |

Phần III. Hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành

| S<br>T<br>T | Doanh nghiệp      | Năm 2024 (tấn) |                  | So với cùng kỳ 2023 (%) |                  | Tỷ trọng 4 tháng năm 2024 |
|-------------|-------------------|----------------|------------------|-------------------------|------------------|---------------------------|
|             |                   | Tháng 4/2024   | 4 tháng năm 2024 | Tháng 4/2023            | 4 tháng năm 2023 | % theo lượng              |
| 2           | Nedspice Việt Nam | 1.846          | 7.091            | ▲ 9,2                   | ▲ 25,7           | 8,5                       |
| 3           | Pearl Group       | 2.173          | 6.085            | ▲ 31,9                  | ▼ 15,1           | 7,3                       |
| 4           | Liên Thành        | 1.892          | 5.321            | ▼ 2,4                   | ▲ 76,1           | 6,4                       |
| 5           | Haprosimex JSC    | 2.299          | 5.318            | ▲ 20,7                  | ▲ 24,0           | 6,4                       |
| 6           | Phúc Sinh         | 1.447          | 5.079            | ▼ 23,4                  | ▲ 1,8            | 6,1                       |
| 7           | Harris Freeman    | 1.031          | 3.250            | ▲ 11,3                  | ▲ 8,1            | 3,9                       |
| 8           | Simexco Đắk Lắk   | 1.104          | 3.187            | ▲ 8,1                   | ▲ 127,5          | 3,8                       |
| 9           | Gia vị Sơn Hà     | 635            | 2.739            | ▼ 6,5                   | ▲ 53,8           | 3,3                       |
| 10          | DK Commodity      | 755            | 2.193            | ▲ 39,3                  | ▼ 10,5           | 2,6                       |
| 11          | Prosi Thăng Long  | 434            | 2.099            | ▼ 56,0                  | ▲ 7,5            | 2,5                       |
| 12          | Ptexim Corp       | 555            | 1.882            | ▲ 6,5                   | ▲ 29,5           | 2,3                       |
| 13          | Sinh Lộc Phát     | 455            | 1.828            | ▼ 24,3                  | ▲ 154,2          | 2,2                       |
| 14          | Hanfimex Việt Nam | 604            | 1.677            | ▲ 24,5                  | ▲ 197,9          | 2,0                       |
| 15          | Pitco             | 388            | 1.659            | ▼ 38,7                  | ▲ 31,8           | 2,0                       |
| 16          | Intimex Group     | 683            | 1.656            | ▲ 25,6                  | ▲ 93,5           | 2,0                       |
| 17          | Synthite Việt Nam | 302            | 1.453            | ▼ 39,7                  | ▼ 42,1           | 1,7                       |
| 18          | Expo Commodities  | 403            | 1.301            | ▲ 13,8                  | ▲ 31,8           | 1,6                       |
| 19          | Ottogi Việt Nam   | 264            | 1.224            | ▼ 42,1                  | ▲ 1.600,0        | 1,5                       |
| 20          | Phong Hằng        | 418            | 1.168            | ▲ 33,1                  | ▲ 126,8          | 1,4                       |
| 21          | Phúc Lợi          | 374            | 1.080            | ▲ 14,0                  | ▲ 41,9           | 1,3                       |
| 22          | Hoàng Gia Luân    | 691            | 1.028            | ▲ 141,6                 | ▲ 90,7           | 1,2                       |
| 23          | Unispice Việt Nam | 206            | 748              | ▼ 29,5                  | ▲ 27,2           | 0,9                       |
| 24          | Nhật Quang        | 220            | 680              | 0,0                     | ▲ 10,9           | 0,8                       |
| 25          | KSS Việt Nam      | 192            | 655              | ▲ 14,3                  | ▼ 0,5            | 0,8                       |
| 26          | Gạo Lotus         | 252            | 622              | ▲ 125,0                 | ▼ 19,3           | 0,7                       |
| 27          | Tuấn Minh         | 236            | 606              | ▼ 31,4                  | ▼ 27,3           | 0,7                       |
| 28          | Imtex Việt Nam    | 55             | 579              | ▼ 76,2                  | ▲ 105,3          | 0,7                       |
| 29          | Nam Sơn Phú Thọ   | 268            | 558              | ▲ 45,7                  | ▲ 63,2           | 0,7                       |
| 30          | MKPRO             | 245            | 541              | ▲ 109,4                 | ▼ 36,5           | 0,7                       |
|             | Khác              | 3.251          | 11.401           | ▲ 1,2                   | ▼ 75,6           | 13,7                      |

# Phần IV: CHÍNH SÁCH



## EU áp dụng quy trình mới về nhập khẩu hàng hoá từ ngày 3/6/2024

Theo quy định của Liên minh châu Âu (EU), từ ngày 3 tháng 06 năm 2024, tất cả doanh nghiệp có liên quan tới hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam vào EU đều phải khai báo dữ liệu trước khi hàng đến vào Hệ thống kiểm soát hàng hóa nhập khẩu (ICS2). Nếu doanh nghiệp Việt Nam không nắm được các quy định này có khả năng phải hứng chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Giai đoạn 3 bắt đầu từ ngày 3/6/2024, áp dụng cho tất cả các đối tượng còn lại bao gồm 5 đối tượng từ giai đoạn 1 và 2, bổ sung thêm các doanh nghiệp vận chuyển đường biển, đường sắt và đường bộ cùng với các nhà nhập khẩu tại EU. Đây là giai đoạn thứ ba hay còn là giai đoạn triển khai hệ thống mới để mở rộng các yêu cầu báo cáo dữ liệu an toàn và an ninh áp dụng cho tất cả các phương thức vận tải. Các yêu cầu tương tự đã có hiệu lực đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không.

Với bản phát hành ICS2 thứ ba này, các hãng vận tải đường biển, đường thủy nội địa, đường bộ và đường sắt cũng cần cung cấp dữ liệu về hàng hóa được gửi đến hoặc qua EU trước khi hàng đến, thông qua Tờ khai nhập khẩu tóm tắt (ENS).

Nghĩa vụ này cũng liên quan đến các hãng vận chuyển bưu chính và chuyển phát nhanh sử dụng các phương thức vận tải này để vận chuyển hàng hóa cũng như các bên liên quan khác, chẳng hạn như nhà cung cấp dịch vụ

hậu cần. Trong một số trường hợp nhất định, bên nhận hàng cuối cùng được thành lập tại EU cũng phải gửi dữ liệu ENS tới ICS2.

Dựa theo yêu cầu, các quốc gia thành viên EU sẽ cấp quyền cho các bên giao dịch chịu ảnh hưởng để kết nối dần với ICS2 trong khoảng thời gian triển khai có hạn. Các quốc gia thành viên có thể cấp thời hạn triển khai tại bất kỳ thời điểm nào trong những khung thời gian sau: từ ngày 03 tháng 06 năm 2024 đến ngày 04 tháng 12 năm 2024 (các hãng vận tải đường biển và đường thủy nội địa); từ ngày 04 tháng 12 năm 2024 đến ngày 01 tháng 04 năm 2025 (đơn vị nộp đơn thứ cấp vận tải đường biển và đường thủy nội địa); và từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 01 tháng 09 năm 2025 (các hãng vận tải đường bộ và đường sắt). Nếu các bên giao dịch chưa chuẩn bị sẵn sàng và không cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của ICS2, hàng hóa của họ sẽ bị dừng ở biên giới EU và không được cơ quan hải quan thông quan.

Thông tin trước về hàng hóa và phân tích rủi ro sẽ cho phép xác định sớm các mối đe dọa về an ninh và giúp cơ quan hải quan can thiệp vào thời điểm thích hợp nhất trong chuỗi cung ứng.

Nếu doanh nghiệp Việt Nam không nắm được các quy định này có khả năng phải hứng chịu hậu quả nghiêm trọng như: Các containers và lô hàng sẽ bị dừng tại Biên giới với EU; Hàng hoá sẽ không được thông quan bởi Hải quan EU; Hoặc các tờ khai không đầy đủ hoặc bị từ chối hoặc sẽ bị cấm vận vì không tuân thủ quy định của EU. ■

# Phụ lục

## NGUỒN THAM KHẢO

Tổng cục Hải quan Việt Nam  
Bộ Công Thương  
Hiệp hội Hồ tiêu và cây gia vị Việt Nam (VPSPA)  
Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế (IPC)  
Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil  
(Comex Stat)  
Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC)

Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ  
(USITC)  
Tổng cục Hải quan Trung Quốc  
Nedspice Group  
Khmer Times  
Thehindubusinessline

## BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường hồ tiêu tháng 4/2024” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

## GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

## ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 1/2024
- Báo cáo thị trường hồ tiêu tháng 2/2024
- Báo cáo thị trường hồ tiêu quý I/2024

## THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

## MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

**Mrs. Trịnh Huyền Trang**

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

**Hotline:** 099 522 2999

**Email:** info@vietnambiz.vn



**Địa chỉ:** Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**Chi nhánh:** Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

**Hotline:** 0938.189.222 **Email:** [info@vietnambiz.vn](mailto:info@vietnambiz.vn)

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**